

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH CẤP BẰNG TIỀN SĨ
(Từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025)

TT	Họ và tên	Sinh ngày	Giới tính	Ngành	Quyết định công nhận học vị	Số hiệu	Số vào sổ gốc
1	Nguyễn Thị Liễu	20/4/1985	Nữ	Vật liệu cao phân tử và tổ hợp	893/QĐ-HVKHCN ngày 30/7/2024	GUST/TS 726	TS/01/2025/MSE/84
2	Ngô Khắc Không Minh	15/12/1980	Nam	Vật liệu quang học, quang điện tử và quang tử	894/QĐ-HVKHCN ngày 30/7/2024	GUST/TS 727	TS/02/2025/MSE/85
3	Nguyễn Trọng Tuấn	08/3/1979	Nam	Vật liệu cao phân tử và tổ hợp	1120/QĐ-HVKHCN ngày 03/10/2024	GUST/TS 728	TS/03/2025/MSE/86
4	Nguyễn Thị Hải Yến	27/6/1991	Nữ	Vật lý lý thuyết và Vật lý toán	1111/QĐ-HVKHCN ngày 30/9/2024	GUST/TS 729	TS/04/2025/PHY/52
5	Nguyễn Minh Quân	03/7/1987	Nam	Hóa hữu cơ	679/QĐ-HVKHCN ngày 05/6/2024	GUST/TS 730	TS/05/2025/CHE/226
6	Nguyễn Tuấn Anh	05/10/1983	Nam	Hóa vô cơ	913/QĐ-HVKHCN ngày 02/8/2024	GUST/TS 731	TS/06/2025/CHE/227
7	Phan Minh Vương	21/12/1991	Nam	Hóa lý thuyết và hóa lý	1123/QĐ-HVKHCN ngày 04/10/2024	GUST/TS 732	TS/07/2025/CHE/228
8	Phạm Quang Huy	20/3/1991	Nam	Hệ thống thông tin	964/QĐ-HVKHCN ngày 28/8/2024	GUST/TS 733	TS/08/2025/ITT/99
9	Nghiêm Văn Hưng	06/9/1985	Nam	Hệ thống thông tin	1118/QĐ-HVKHCN ngày 01/10/2024	GUST/TS 734	TS/09/2025/ITT/100
10	Nguyễn Thị Thanh Vân	22/9/1988	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	1043/QĐ-HVKHCN ngày 09/9/2024	GUST/TS 735	TS/10/2025/ITT/101
11	Phạm Văn Hoàn	28/02/1987	Nam	Cơ kỹ thuật	1039/QĐ-HVKHCN ngày 06/9/2024	GUST/TS 736	TS/11/2025/MEC/40
12	Vũ Anh Tuấn	13/01/1988	Nam	Cơ kỹ thuật	1135/QĐ-HVKHCN ngày 09/10/2024	GUST/TS 737	TS/12/2025/MEC/41
13	Trần Thị Minh	09/9/1980	Nữ	Công nghệ sinh học	891/QĐ-HVKHCN ngày 25/7/2024	GUST/TS 738	TS/13/2025/BIO/74
14	Doãn Hoàng Sơn	30/10/1991	Nam	Thực vật học	1072/QĐ-HVKHCN ngày 26/9/2024	GUST/TS 739	TS/14/2025/ECO/64
15	Nguyễn Văn Thịnh	12/3/1983	Nam	Động vật học	1071/QĐ-HVKHCN ngày 26/9/2024	GUST/TS 740	TS/15/2025/ECO/65



TT	Họ và tên	Sinh ngày	Giới tính	Ngành	Quyết định công nhận học vị	Số hiệu	Số vào sổ gốc
16	Phạm Văn Huyền	20/01/1991	Nam	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	1189/QĐ-HVKHCN ngày 29/10/2024	GUST/TS 741	TS/16/2025/CHE/229
17	Trương Thị Bình Giang	19/12/1987	Nữ	Hóa phân tích	1179/QĐ-HVKHCN ngày 24/10/2024	GUST/TS 742	TS/17/2025/CHE/230
18	Nguyễn Thị Bình Yên	24/10/1986	Nữ	Hóa hữu cơ	1239/QĐ-HVKHCN ngày 04/11/2024	GUST/TS 743	TS/18/2025/CHE/231
19	Cao Thanh Hải	24/3/1990	Nữ	Hóa hữu cơ	1188/QĐ-HVKHCN ngày 29/10/2024	GUST/TS 744	TS/19/2025/CHE/232
20	Đỗ Thị Quỳnh	09/7/1992	Nữ	Hóa hữu cơ	1390/QĐ-HVKHCN ngày 28/11/2024	GUST/TS 745	TS/20/2025/CHE/233
21	Nguyễn Văn Hùng	19/12/1981	Nam	Hóa hữu cơ	890/QĐ-HVKHCN ngày 25/7/2024	GUST/TS 746	TS/21/2025/CHE/234
22	Phan Thị Yến	25/10/1983	Nữ	Động vật học	1414/QĐ-HVKHCN ngày 04/12/2024	GUST/TS 747	TS/22/2025/ECO/66
23	Đào Trọng Khoa	02/10/1990	Nam	Hóa sinh học	1366/QĐ-HVKHCN ngày 26/11/2024	GUST/TS 748	TS/23/2025/BIO/75
24	Quách Văn Toàn Em	01/01/1982	Nam	Sinh thái học	1388/QĐ-HVKHCN ngày 27/11/2024	GUST/TS 749	TS/24/2025/ECO/67
25	Nguyễn Văn Tụng	01/11/1990	Nam	Công nghệ sinh học	1177/QĐ-HVKHCN ngày 24/10/2024	GUST/TS 750	TS/25/2025/BIO/76
26	Lê Thu Ngọc	02/8/1985	Nữ	Công nghệ sinh học	1160/QĐ-HVKHCN ngày 11/10/2024	GUST/TS 751	TS/26/2025/BIO/77
27	Nguyễn Minh Hải	28/02/1983	Nam	Khoa học máy tính	1181/QĐ-HVKHCN ngày 25/10/2024	GUST/TS 752	TS/27/2025/ITT/102
28	Nguyễn Thị Thanh Mai	30/12/1978	Nữ	Khoa học máy tính	1165/QĐ-HVKHCN ngày 15/10/2024	GUST/TS 753	TS/28/2025/ITT/103
29	Nguyễn Trọng Hưng	29/8/1990	Nam	Hệ thống thông tin	1044/QĐ-HVKHCN ngày 9/9/2024	GUST/TS 754	TS/29/2025/ITT/104
30	Nguyễn Đức Thành	19/02/1980	Nam	Địa lý tài nguyên và môi trường	1265/QĐ-HVKHCN ngày 15/11/2024	GUST/TS 755	TS/30/2025/GEO/32
31	Trần Quang Thu	18/01/1979	Nam	Quản lý tài nguyên và môi trường	1279/QĐ-HVKHCN ngày 21/11/2024	GUST/TS 756	TS/31/2025/MAR/15
32	Nguyễn Hữu Đồng	17/7/1983	Nam	Kỹ thuật môi trường	1075/QĐ-HVKHCN ngày 26/9/2024	GUST/TS 757	TS/32/2025/ENT/28
33	Hoàng Hải Sơn	24/5/1978	Nam	Vật lý địa cầu	1435/QĐ-HVKHCN ngày 09/12/2024	GUST/TS 758	TS/33/2025/ESS/22

TT	Họ và tên	Sinh ngày	Giới tính	Ngành	Quyết định công nhận học vị	Số hiệu	Số vào sổ gốc
34	Nguyễn Duy Thành	12/12/1983	Nam	Kỹ thuật môi trường	1175/QĐ-HVKHCN ngày 24/10/2024	GUST/TS 759	TS/34/2025/ENT/29
35	Phạm Hồng Lâm	22/01/1977	Nam	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	1240/QĐ-HVKHCN ngày 06/11/2024	GUST/TS 760	TS/35/2025/PHY/53
36	Mẫn Hoài Nam	03/8/1980	Nam	Vật liệu điện tử	1442/QĐ-HVKHCN ngày 10/12/2024	GUST/TS 761	TS/36/2025/MSE/87
37	Lê Hồng Quân	20/5/1990	Nam	Vật liệu điện tử	30/QĐ-HVKHCN ngày 10/01/2025	GUST/TS 762	TS/37/2025/MSE/88
38	Nguyễn Quang Vinh	18/9/1983	Nam	Công nghệ sinh học	34/QĐ-HVKHCN ngày 20/01/2025	GUST/TS 763	TS/38/2025/BIO/78
39	Bùi Thị Thu Hoài	12/6/1993	Nữ	Cơ kỹ thuật	04/QĐ-HVKHCN ngày 02/01/2025	GUST/TS 764	TS/39/2025/MEC/42
40	Vương Tấn Công	28/4/1980	Nam	Địa lý tài nguyên và môi trường	1634/QĐ-HVKHCN ngày 30/12/2024	GUST/TS 765	TS/40/2025/GEO/33
41	Vũ Thị Thu Hường	25/01/1982	Nữ	Địa lý tài nguyên và môi trường	23/QĐ-HVKHCN ngày 10/01/2025	GUST/TS 766	TS/41/2025/GEO/34
42	Cù Nguyên Giáp	11/02/1984	Nam	Khoa học máy tính	1621/QĐ-HVKHCN ngày 27/12/2024	GUST/TS 767	TS/42/2025/ITT/105
43	Trần Thị Thu Huyền	17/10/1988	Nữ	Công nghệ sinh học	38/QĐ-HVKHCN ngày 22/01/2025	GUST/TS 768	TS/43/2025/BIO/79
44	Lê Quỳnh Trang	06/7/1988	Nữ	Côn trùng học	126/QĐ-HVKHCN ngày 10/3/2025	GUST/TS 769	TS/44/2025/ECO/68
45	Trần Văn Kết	02/11/1982	Nam	Hóa hữu cơ	192/QĐ-HVKHCN ngày 08/4/2025	GUST/TS 770	TS/45/2025/CHE/235
46	Đoàn Tiến Đạt	11/3/1997	Nam	Hóa hữu cơ	172/QĐ-HVKHCN ngày 08/4/2025	GUST/TS 771	TS/46/2025/CHE/236
47	Lê Thị Anh Phương	16/4/1981	Nữ	Hóa lý thuyết và hóa lý	61/QĐ-HVKHCN ngày 24/02/2025	GUST/TS 772	TS/47/2025/CHE/237
48	Lê Văn Dũng	20/8/1982	Nam	Hóa lý thuyết và hóa lý	60/QĐ-HVKHCN ngày 24/02/2025	GUST/TS 773	TS/48/2025/CHE/238
49	Nguyễn Ngọc Tiến	19/8/1979	Nam	Hóa lý thuyết và hóa lý	223/QĐ-HVKHCN ngày 10/4/2025	GUST/TS 774	TS/49/2025/CHE/239
50	Nguyễn Thị Xuyên	13/9/1994	Nữ	Hóa phân tích	154/QĐ-HVKHCN ngày 26/3/2025	GUST/TS 775	TS/50/2025/CHE/240
51	Nguyễn Thành Duy	02/10/1981	Nam	Hóa phân tích	226/QĐ-HVKHCN ngày 16/4/2025	GUST/TS 776	TS/51/2025/CHE/241
52	Nguyễn Thị Thanh Huyền	01/4/1985	Nữ	Hóa vô cơ	46/QĐ-HVKHCN ngày 10/02/2025	GUST/TS 777	TS/52/2025/CHE/242

TT	Họ và tên	Sinh ngày	Giới tính	Ngành	Quyết định công nhận học vị	Số hiệu	Số vào sổ gốc
53	Đinh Ngọc Thi	02/4/1980	Nam	Khoa học máy tính	156/QĐ-HVKHCN ngày 26/3/2025	GUST/TS 778	TS/53/2025/ITT/106
54	Trần Anh Tú	14/7/1990	Nam	Khoa học máy tính	31/QĐ-HVKHCN ngày 10/01/2025	GUST/TS 779	TS/54/2025/ITT/107
55	Nguyễn Minh Đông	17/12/1989	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	174/QĐ-HVKHCN ngày 08/4/2025	GUST/TS 780	TS/55/2025/ITT/108
56	Lê Thị Hồng Hiệp	20/01/1987	Nữ	Vật liệu điện tử	163/QĐ-HVKHCN ngày 31/3/2025	GUST/TS 781	TS/56/2025/MSE/89
57	Kiều Xuân Hậu	01/6/1993	Nữ	Vật liệu điện tử	153/QĐ-HVKHCN ngày 26/3/2025	GUST/TS 782	TS/57/2025/MSE/90
58	Chu Anh Tuấn	07/6/1982	Nam	Vật lý chất rắn	233/QĐ-HVKHCN ngày 22/4/2025	GUST/TS 783	TS/58/2025/PHY/54
59	Nguyễn Thị Minh	22/4/1980	Nữ	Vật liệu điện tử	454/QĐ-HVKHCN ngày 19/5/2025	GUST/TS 784	TS/59/2025/MSE/91
60	Huỳnh Thị Ngọc Hân	22/9/1983	Nữ	Kỹ thuật môi trường	155/QĐ-HVKHCN ngày 26/3/2025	GUST/TS 785	TS/60/2025/ENT/30
61	Hoàng Minh Tạo	12/5/1985	Nam	Kỹ thuật môi trường	522/QĐ-HVKHCN ngày 05/6/2025	GUST/TS 786	TS/61/2025/ENT/31
62	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/6/1987	Nữ	Hóa phân tích	230/QĐ-HVKHCN ngày 22/4/2025	GUST/TS 787	TS/62/2025/CHE/243
63	Trần Văn Hiện	02/5/1976	Nam	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	539/QĐ-HVKHCN ngày 10/6/2025	GUST/TS 788	TS/63/2025/CHE/244
64	Trần Thanh Nhã	03/01/1996	Nam	Hóa hữu cơ	499/QĐ-HVKHCN ngày 02/6/2025	GUST/TS 789	TS/64/2025/CHE/245
65	Ứng Thị Hồng Trang	19/5/1987	Nữ	Vi sinh vật học	189/QĐ-HVKHCN ngày 08/4/2025	GUST/TS 790	TS/65/2025/BIO/80
66	Trương Bá Vương	01/12/1988	Nam	Thực vật học	461/QĐ-HVKHCN ngày 22/5/2025	GUST/TS 791	TS/66/2025/ECO/69
67	Trịnh Thị Hồng	19/5/1981	Nữ	Động vật học	323/QĐ-HVKHCN ngày 08/5/2025	GUST/TS 792	TS/67/2025/ECO/70
68	Hoàng Anh Đức	17/3/1984	Nam	Hệ thống thông tin	133/QĐ-HVKHCN ngày 11/3/2025	GUST/TS 793	TS/68/2025/ITT/109
69	Phạm Lê Khương	17/02/1982	Nam	Vật lý địa cầu	290/QĐ-HVKHCN ngày 29/4/2025	GUST/TS 794	TS/69/2025/ESS/23
70	Phạm Ngọc Thư	26/3/1987	Nữ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	719/QĐ-HVKHCN ngày 07/7/2025	GUST/TS 795	TS/70/2025/PHY/55
71	Lê Anh Thi	17/3/1983	Nam	Vật liệu điện tử	724/QĐ-HVKHCN ngày 15/7/2025	GUST/TS 796	TS/71/2025/MSE/92

TT	Họ và tên	Sinh ngày	Giới tính	Ngành	Quyết định công nhận học vị	Số hiệu	Số vào sổ gốc
72	Phạm Minh Ngọc Hà	03/4/1971	Nam	Hệ thống thông tin	341/QĐ-HVKHCN ngày 09/5/2025	GUST/TS 797	TS/72/2025/ITT/110
73	Bùi Thị Thanh Loan	18/7/1985	Nữ	Quản lý tài nguyên và môi trường	721/QĐ-HVKHCN ngày 10/7/2025	GUST/TS 798	TS/73/2025/MAR/16
74	Nguyễn Văn Phương	11/5/1977	Nam	Hóa hữu cơ	645/QĐ-HVKHCN ngày 18/6/2025	GUST/TS 799	TS/74/2025/CHE/246
75	Phạm Thị Thuý Loan	27/5/1972	Nữ	Hóa vô cơ	498/QĐ-HVKHCN ngày 02/6/2025	GUST/TS 800	TS/75/2025/CHE/247
76	Nguyễn Bá Kiên	24/10/1977	Nam	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	173/QĐ-HVKHCN ngày 08/4/2025	GUST/TS 801	TS/76/2025/CHE/248
77	Đặng Thu Quỳnh	29/9/1994	Nữ	Công nghệ sinh học	546/QĐ-HVKHCN ngày 16/6/2025	GUST/TS 802	TS/77/2025/BIO/81
78	Nguyễn Minh Hải	13/5/1985	Nữ	Quản lý tài nguyên và môi trường	737/QĐ-HVKHCN ngày 25/7/2025	GUST/TS 803	TS/78/2025/MAR/17
79	Phạm Minh Thúy	02/8/1989	Nữ	Hóa lý thuyết và hóa lý	762/QĐ-HVKHCN ngày 08/8/2025	GUST/TS 804	TS/79/2025/CHE/249

Danh sách gồm 79 nghiên cứu sinh./.

GIÁM ĐỐC



GS.TS. Vũ Đình Lãm

